

Bản án số: 93/2025/DSST
Ngày 29/9/2025
V/v: Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường

Ông Nguyễn Tiến Chinh

- Thư ký Tòa án: Bà Vũ Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2025/TLST-DS ngày 19/5/2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-DS ngày 26/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1965.

Địa chỉ: thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

Do anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh làm đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983. Chị Đinh Thị Đ1, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh. Anh T1, chị Đ1 vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

Do anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh làm đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ do anh Nguyễn Ngọc T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Đ bà Hoàng Thị B bán cám chăn nuôi. Năm 2017 vợ chồng anh Nguyễn Văn T1 chị Đinh Thị Đ1 là người cùng xã có mua cám chăn nuôi của bố mẹ anh nhiều lần, trong đó có lần trả tiền, có lần nợ chưa trả. Đến ngày 12/7/2017 do vợ chồng anh T1 chị Đ1 không có tiền trả nên hai bên thống nhất lập “Giấy biên nhận nợ cám”, nội dung thể hiện anh Nguyễn Văn T1 ở thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang cũ nay là thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh nợ của ông Nguyễn Văn Đ ở thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang cũ nay là thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh, tổng số 48.347.000 đồng tiền mua cám, mỗi tháng anh T1 phải trả ông Đ 3.000.000 đồng. Người viết giấy là anh Nguyễn Ngọc T, vợ chồng anh Nguyễn Văn T1 chị Đinh Thị Đ1 ký ghi rõ họ tên vào phần người nợ.

Tuy nhiên từ khi viết giấy nhận nợ vợ chồng anh T1 chị Đ1 chưa trả cho ông Đ, bà B tiền. Tại đơn khởi kiện và những lời khai ban đầu ông Đ và anh T là đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà B đều yêu cầu vợ chồng anh T1 chị Đ1 phải trả tổng số 82.347.000 đồng (T2 mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo giấy nhận nợ cám đề ngày 12/7/2017 và nợ lãi tính từ ngày 01/7/2017 đến 01/7/2025 là 07 năm tương đương số tiền 34.000.000 đồng. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 26/8/2025 anh T thay đổi yêu cầu, anh trình bày sau khi viết giấy nhận nợ vợ chồng anh T1 chị Đ1 đã trả tiền gốc hai lần, tổng số là 5.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 26/8/2025 anh T xin rút yêu cầu đối với một phần tiền gốc và toàn bộ tiền lãi, anh chỉ yêu cầu anh T1 và chị Đ1 trả bố anh 43.000.000 đồng tiền gốc, ngoài ra anh không yêu cầu anh T1 chị Đ1 trả thêm khoản tiền gì khác đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Về số tiền nhận nợ này anh T trình bày đây là thỏa thuận riêng giữa bố anh và vợ chồng anh T1 chị Đ1 không liên quan gì đến bà B mẹ anh. Nên anh yêu cầu anh T1 chị Đ1 phải liên đới trả số tiền còn nợ cho một mình bố anh là ông Nguyễn Văn Đ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2025 bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Đ1 cùng trình bày:*

Năm 2015, 2016 vợ chồng anh chị nuôi vịt, ngan và có mua chịu cám chăn nuôi của gia đình ông Nguyễn Văn Đ ở thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh. Mỗi lần giao nhận cám hai bên có ký nhận vào sổ và thỏa thuận khi nào xuất được gia cầm thì mới thanh toán tiền. Vợ chồng anh chị được nợ lại tiền cám nhưng đã phải trả giá mua cao hơn giá thanh toán tiền luôn. Đến khoảng năm 2017 do chăn nuôi thua lỗ không có khả năng thanh toán nợ nên ông Đ yêu cầu chốt sổ thì vợ chồng anh chị nợ của ông Đ 48.347.000 đồng. Việc viết giấy nhận nợ như tài liệu ông Đ giao nộp cho Tòa án là đúng tuy nhiên việc ký vào giấy nhận nợ số tiền 48.347.000 đồng và hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng là anh bị ép buộc, chữ ký phần người nợ đúng là chữ ký của anh, chữ ký của chị Đinh Thị Đ2 là không đúng do thời điểm

đó chị không có mặt ở nhà. Anh T1 xác nhận đến năm 2020 anh đã trả hết toàn bộ tiền nợ cám cho ông Đ. Việc anh trả tiền ông Đ nhiều lần, có lần qua anh T con trai ông Đ, có lần qua bạn anh T, tuy nhiên đều không ký giấy biên nhận, vợ chồng anh cũng không cung cấp được tài liệu gì khác thể hiện việc đã trả tiền nợ cám cho ông Đ. Ông Đ yêu cầu anh trả nợ gốc, lãi như nội dung đơn khởi kiện anh chị không đồng ý.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng qui định, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Tuy nhiên Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Đề nghị áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 357, 430, 434, 440 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T1, chị Đinh Thị Đ1 phải liên đới trả cho ông Đ số tiền 43.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T1, chị Đinh Thị Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, hoàn trả ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: ông Nguyễn Văn Đ đề nghị anh Nguyễn Văn T1, chị Đinh Thị Đ1 phải trả số tiền nợ mua cám. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Văn T1, chị Đinh Thị Đ1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang cũ nay là xã K, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS

thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của họ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn, có cơ sở xác định vợ chồng anh Nguyễn Văn T1 chị Đinh Thị Đ1 có mua chịu cám chăn nuôi của ông Nguyễn Văn Đ, đến ngày 12/7/2017 hai bên chốt nợ và lập “Giấy biên nhận nợ cám” số tiền 48.347.000 đồng. Việc hai bên mua bán tài sản và lập giấy nhận nợ trên không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được coi là giao dịch hợp pháp.

Theo “Giấy biên nhận nợ cám” ông Đ giao nộp, thể hiện anh Nguyễn Văn T1 ở thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh nợ ông Nguyễn Văn Đ ở thôn T, xã K, tỉnh Bắc Ninh số tiền 48.347.000 đồng mua cám. Mỗi tháng anh T1 có trách nhiệm trả ông Đ 3.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Đến nay đã quá thời hạn hai bên thỏa thuận nên ông Đ khởi kiện đề nghị vợ chồng anh T1 chị Đ1 phải trả toàn bộ số tiền gốc 48.347.000 đồng và 34.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2025. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải anh T đại diện theo ủy quyền của ông Đ rút một phần tiền gốc vì cho rằng sau khi viết giấy nhận nợ anh T1 chị Đ1 đã trả ông Đ 5.000.000 đồng, ngoài ra anh T còn rút toàn bộ yêu cầu về nợ lãi. Việc anh T thay đổi yêu cầu rút một phần tiền gốc và toàn bộ tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện, không làm xấu hơn nghĩa vụ trả nợ của bị đơn nên cần được chấp nhận.

Chị Đ1, anh T1 cho rằng chị Đ1 không ký vào giấy nhận nợ và không đề nghị giám định chữ ký. Tuy nhiên vợ chồng anh T1 chị Đ1 đều thừa nhận việc nợ ông Đ số tiền mua cám như ông Đ trình bày và có chốt nhận nợ ngày 12/7/2017 đó là đúng. Anh T1 chị Đ1 khai đã trả ông Đ hết toàn bộ tiền nợ cám nhưng ông Đ không thừa nhận, anh T1 chị Đ1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cho lời khai của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của anh T1 chị Đ1.

Bà Hoàng Thị B là vợ ông Đ ủy quyền tham gia tố tụng cho anh T, anh T trình bày việc mua bán cám và nhận nợ giữa bố anh và vợ chồng anh T1 chị Đ1 không liên quan gì đến bà B. Yêu cầu vợ chồng anh T1 chị Đ1 trả số tiền còn nợ cho một mình ông Đ.

Vì vậy Hội đồng xét xử thấy, việc ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn T1 chị Đinh Thị Đ1 liên đới trả ông số tiền 43.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS.

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận, nên anh T1 chị Đ1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 430, 431, 440 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T1 chị Đinh Thị Đ1 phải liên đới trả ông Nguyễn Văn Đ số tiền 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T1 chị Đinh Thị Đ1 phải liên đới chịu 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí 2.058.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003907 ngày 14/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và người đại diện theo ủy quyền của họ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Thị Hải Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Thị Hải Minh

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Thị Hải Minh